TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2026
"V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Bùi Phương Quyền.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Tô Ngọc Liêm; ông Đặng Văn Tâm.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Thúy Liễu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – An Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 310/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 216/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mai T, sinh năm 14/03/2004; địa chỉ: số I, tổ B, ấp A, xã H, tỉnh An Giang; (có mặt).

Bị đơn: Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 19/07/2002; địa chỉ: ấp A, xã H, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Mai T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Mai T và ông Đoàn Văn T1 do quen biết, tìm hiểu nhau trước; cả hai đã tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/9/2023 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình

không hợp nhau, ông T1 nghiện ma túy không quan tâm đến gia đình, vợ con; mặc dù bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2026 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Đỗ Thị Mai T yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Văn T1.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Đoàn Đỗ Bảo N, sinh ngày 02/02/2021. Hiện con chung đang sống chung với bà Đỗ Thị Mai T. Khi ly hôn, bà Đỗ Thị Mai T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đoàn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đoàn Văn T1 đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông Đoàn Văn T1 đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày ý kiến: Vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Văn T1. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Đoàn Đỗ Bảo N, sinh ngày 02/02/2021, tại đơn khởi kiện bà trình bày cháu N đang sống chung với bà T là do thời điểm làm đơn thì bà còn ở gia đình chồng nhưng sau đó vợ chồng cự cãi bà đã về nhà cha mẹ sống cho đến nay; do đó cháu N hiện đang sống với ông T1, khi ly bà đồng ý để ông T1 được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn ông Đoàn Văn T1 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà Đỗ Thị Mai T và ông Đoàn Văn T1 kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Mai T, ông Đoàn Văn T1 hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Đỗ Thị Mai T, ông Đoàn Văn T1 diễn ra trong thời gian dài. Cả hai không tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà Đỗ Thị Mai T yêu cầu ly hôn, ông Đoàn Văn T1 không có ý kiến phản hồi. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Cho nên, bà Đỗ Thị Mai T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung, có 01 con chung tên Đoàn Đỗ bảo N, sinh ngày 02/02/2021, hiện đang sống với ông T1; khi ly hôn, bà Đỗ Thị Mai T đồng ý để ông T1 được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Mai T đối với ông Đoàn Văn T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Đỗ Thị Mai T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đoàn Văn T1. Đồng thời, ông Đoàn Văn T1 cư trú trên địa bàn xã L. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đoàn Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Mai T và ông Đoàn Văn T1 là tự nguyện và ông bà có đăng ký kết hôn vào năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã H, tỉnh An Giang) theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Mai T và ông Đoàn Văn T1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà Đỗ Thị Mai T xác định, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông T1 nghiện ngập không quan tâm gia đình vợ con mặc dù bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được và vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2026 cho đến nay nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T1. Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà Đỗ Thị Mai T và ông Đoàn Văn T1 thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông Đoàn Văn T1 nhưng ông Đoàn Văn T1 không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà Đỗ

Thị Mai T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Đỗ Thị Mai T, ông Đoàn Văn T1 là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Mai T đối với ông Đoàn Văn T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Đỗ bảo N, sinh ngày 02/02/2021, hiện đang sống với ông T1; khi ly hôn, bà Đỗ Thị Mai T đồng ý để ông T1 được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy trong trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T1 đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, nuôi con nhưng ông T1 không đến tòa, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T1, nhận thấy ông T1 không tham dự phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án xem như ông đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình; do đó, Tòa án căn cứ vào chứng cứ cũng như ý kiên mà nguyên đơn cung cấp mà chấp nhận yêu cầu của bà T để ông T1 được tiếp tục nuôi con và bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này giữa ông T1 với bà T có tranh chấp về con chung, cấp dưỡng nuôi con thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Bên cạnh việc được nuôi dưỡng con chung thì ông T1 và các thành viên gia đình ông T1 phải tạo điều kiện để bà N1 được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Đỗ Thị Mai T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Đỗ Thị Mai T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Mai T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị Mai T với ông Đoàn Văn T1.

2. Về con chung: Có một con chung tên Đoàn Đỗ Bảo N, sinh ngày 02/02/2021;

Ông Đoàn Văn T1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Đỗ Bảo N, sinh ngày 02/12/2021. Ông T1 và các thành viên gia đình ông T1 phải tạo điều kiện để bà Đỗ Thị Mai T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Về cấp dưỡng: Bà Đỗ Thị Mai T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chưa giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Mai T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 304664 do Thi hành án dân sự tỉnh An Giang cấp ngày 06 tháng 4 năm 2026; bà Đỗ Thị Mai T đã nộp đủ án phí.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Đỗ Thị Mai T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Đoàn Văn T1 được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11 – An Giang. (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- THADS tỉnh An Giang (1);
- UBND xã Hội An, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Phương Quyền